|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TP. ĐÀ NẴNG**TRƯỜNG THPT BÌNH SƠN**--------------------*(Đề thi có \_\_\_ trang)* | **KỲ THI CHỌN HSG LỚP 10 CHƯƠNG TRÌNH THPT NĂM HỌC 2023-2024NĂM HỌC 2023 - 2024MÔN: LỊCH SỬ***Thời gian làm bài: 90 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ....... | **Mã đề 000** |

**Câu 1.** Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống chính là sử dụng tri thức lịch sử để

 **A.** giải thích được những quy luật của tự nhiên.

 **B.** giải thích những hiện tượng siêu nhiên, thần bí trong cuộc sống.

 **C.** giải thích và hiểu rõ hơn những vấn đề của cuộc sống hiện tại.

 **D.** dự đoán, dự báo những thuận lợi và nguy cơ trong tương lai.

**Câu 2.** Một trong những đặc điểm của tri thức lịch sử là gì?

 **A.** Rộng lớn và đa dạng. **B.** Không bao giờ biến đổi.

 **C.** Giữ tính ổn định, không phát triển. **D.** Diễn ra hạn hẹp trong một phạm vi.

**Câu 3.** Một trong những nguyên tắc trong bảo tồn di sản quốc gia là

 **A.** Đảm bảo tính nguyên trạng. **B.** Đảm bảo tính hiện đại.

 **C.** Đảm bảo tính sáng tạo. **D.** Đảm bảo tính kinh tế.

**Câu 4.** Đối tượng nghiên cứu của sử học có đặc điểm nổi bật là gì?

 **A.** Đa dạng và mang tính toàn diện.

 **B.** Đa dạng nhưng tập trung vào chính trị.

 **C.** Chủ yếu là các cuộc chiến tranh.

 **D.** Tập trung vào kinh tế chính trị.

**Câu 5.** Các sự kiện sau đây: Cách mạng tháng 8 thắng lợi; Năm 1930 Đảng cộng sản Việt Nam ra đời; Năm 1954 kháng chiến chống Pháp kết thúc. Đều có điểm giống nhau là:

 **A.** Đều là hiện thực lịch sử. **B.** Đều là nhận thức lịch sử.

 **C.** Đều là khoa học lịch sử. **D.** Đều là quan điểm lịch sử.

**Câu 6.** Các di sản văn hóa như dân ca quan họ, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, quần thể di tích cố đô Huế… có điểm chung là gì?

 **A.** Là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử văn hóa, khoa học.

 **B.** Là một bộ phận văn hóa nhân loại thể hiện dưới hình thức vật chất.

 **C.** Là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử văn hóa, khoa học.

 **D.** Là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử văn hóa, khoa học.

**Câu 7.** Ý nào sau đây là một trong những chức năng cơ bản của Sử học?

 **A.** Phục vụ đời sống con người. **B.** Giáo dục, nêu gương.

 **C.** Cung cấp tri thức khoa học lịch sử. **D.** Ghi chép, miêu tả đời sống.

**Câu 8.** Các hoạt động: phỏng vấn, dùng bảng hỏi, quan sát, điền dã … nằm trong quá trình nào của nghiên cứu học tập lịch sử?

 **A.** Thu thập sử liệu. **B.** Xử lý thông tin và sử liệu.

 **C.** Phân loại, đánh giá sử liệu. **D.** Xác định độ tin cậy của sử liệu.

**Câu 9.** Trong các di sản văn hóa dưới đây di sản nào thuộc loại di sản tư liệu?

 **A.** Bia tiến sĩ. **B.** Nghề gốm Bát Tràng.

 **C.** Chữ viết của người Dao. **D.** Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng.

**Câu 10.** Nội dung nào say đây phán ánh đúng bản chất của quá trình xử lí thông tin và sử liệu ?

 **A.** Phân loại, đánh giá, thẩm định các nguồn sử liệu phục vụ cho tìm hiểu lịch sử.

 **B.** Sử dụng tri thức lịch sử để giải thích và hiểu rõ các vấn đề của cuộc sống hiện tại.

 **C.** Tìm kiếm những nguồn sử liệu mới thay thế hoàn toàn các nguồn sử liệu cũ.

 **D.** Khảo sát, tìm kiếm, tập hợp những thông tin về đối tượng nghiên cứu lịch sử.

**Câu 11.** Các địa danh: Phố cổ Hà Nội, Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cô đô Huế, Phố cổ Hội An (Quảng Nam) được gọi là?

 **A.** Di sản văn hóa vật thể. **B.** Di sản văn hóa phi vật thể.

 **C.** Di sản thiên nhiên. **D.** Di sản ẩm thực.

**Câu 12.** Yếu tố đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình khôi phục các sự kiện lịch sử là

 **A.** nguồn sử liệu. **B.** quan điểm lịch sử.

 **C.** nhận thức lịch sử. **D.** hiện thực lịch sử.

**Câu 13.** Trong các nhận định sau có mấy nhận định đúng

1. Hiện thực lịch sử là quá trình con người tái hiện lại quá khứ.

2. Hiện thực lịch sử là duy nhất, tồn tại khách quan.

3. Nhận thức lịch sử là một ngành khoa học nghiên cứu về quá khứ loài người.

4. Nhận thức lịch sử được trình bày, tái hiện theo những cách khác nhau.

 **A.** 2. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 14.** Nội dung nào dưới đây phản ánh *không* đúngvề văn minh?

 **A.** Văn minh xuất hiện đồng thời cùng với loài người.

 **B.** Là trạng thái đối lập với “dã man”.

 **C.** Văn minh là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa.

 **D.** Là trạng thái tiến bộ về cả vật chất và tinh thần của xã hội loài người.

**Câu 15.** Các hình thức nghệ thuật như hát quan họ, hát xẩm, hát trống quân có điểm chung đó là?

 **A.** Đều là các hình thức lĩnh xướng dân gian.

 **B.** Đều là các hình thức âm nhạc cung đình.

 **C.** Đều là các hình thức lễ hội văn hóa dân gian.

 **D.** Đều là các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dân gian.

**Câu 16.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời?

 **A.** Giúp các dân tộc xóa bỏ hết mọi áp bức và sự bất công trong xã hội.

 **B.** Đem lại cho mỗi người cơ hội mới trong cuộc sống và nghề nghiệp.

 **C.** Tri thức lịch sử rộng lớn và đa dạng, nên cần cập nhật thường xuyên.

 **D.** Tìm hiểu lịch sử giúp mỗi người mở rộng hiểu biết và đúc kết bài học.

**Câu 17.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quy trình thu thập, xử lí thông tin tái hiện tri thức lịch sử?

 **A.** Lập thư mục → Sưu tầm sử liệu → Chọn lọc, phân loại sử liệu → Xác minh, đánh giá sử liệu.

 **B.** Xác minh, đánh giá sử liệu → Lập thư mục → Chọn lọc, phân loại sử liệu → Sưu tầm sử liệu.

 **C.** Chọn lọc, phân loại sử liệu → Sưu tầm sử liệu → Xác minh, đảnh giá sử liệu → Lập thư mục.

 **D.** Sưu tầm sử liệu → Chọn lọc, phân loại sử liệu → Xác minh, đánh giá sử liệu → Lập thư mục.

**Câu 18.** Yếu tố nào dưới đây tạo nên “khoảng cách” giữa hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử?

 **A.** Mục đích và thái độ của người nghiên cứu lịch sử.

 **B.** Quy luật phát triển của các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

 **C.** Tính chủ quan và luôn biến đổi của hiện thực lịch sử.

 **D.** Sự thay đổi theo thời gian của hiện thực lịch sử.

**Câu 19.** Những biện pháp bảo tồn di sản có hiệu quả hiện nay là gì?

 **A.** Sưu tầm, lưu giữ, truyền nghề, trình diễn.

 **B.** Cổ động, tái tạo, làm mới, nhân bản.

 **C.** Nhân bản, sưu tầm, truyền nghề, trình diễn.

 **D.** Làm mới, nhân bản, cổ động, lưu giữ.

**Câu 20.** Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ là chức năng nào của Sử học?

 **A.** Khoa học. **B.** Tái hiện. **C.** Nhận biết. **D.** Phục dựng.

**Câu 21.** Văn hóa xuất hiện vào thời điểm nào?

 **A.** Đồng thời cùng với loài người. **B.** Khi xuất hiện nhà nước.

 **C.** Khi xuất hiện chữ viết. **D.** Khi xuất hiện tôn giáo.

**Câu 22.** Nhận xét nào sau đây là đúng về đặc điểm của văn minh Ai Cập cổ đại?

 **A.** Đạt nhiều thành tựu to lớn, rực rỡ.

 **B.** Tập trung chủ yếu vào kiến trúc, điêu khắc.

 **C.** Tập trung chủ yếu vào tôn giáo, tín ngưỡng.

 **D.** Không có các thành tựu khoa học tự nhiên.

**Câu 23.** Tác phẩm nào sau đây phản ánh đúng nhận xét “là bộ Bách khoa toàn thư phản ánh mọi mặt đời sống xã hội Ấn Độ thời đó”?

 **A.** Mahabharata. **B.** Kinh Vê-đa. **C.** Ramayana. **D.** Sơ-cun-tơ-la.

**Câu 24.** Nhận xét nào sau đây phản ánh đúng những ưu điểm của chữ viết Hy Lạp La Mã cổ đại?

 **A.** Đơn giản, linh hoạt, mang tính khái quát hóa.

 **B.** Linh hoạt nhưng mang tính trừu tượng.

 **C.** Là sự kế thừa chữ viết cư dân cổ đại Phương Đông.

 **D.** Ngắn gọn nhưng không có tính ứng dụng.

**Câu 25.** Yếu tố cơ bản nào sau đây là cơ sở để xác định một nền văn hóa bước sang thời kì văn minh?

 **A.** Nhà nước và chữ viết xuất hiện.

 **B.** Biết chế tạo công cụ và tạo ra lửa.

 **C.** Người tinh khôn và cung tên xuất hiện.

 **D.** Sử dụng công cụ sắt và làm đồ gốm.

**Câu 26.** Yếu tố nào sau đây có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa phương Tây với Đông Nam Á hiện nay?

 **A.** Ngôn ngữ. **B.** Văn học. **C.** Tôn giáo. **D.** Nghệ thuật.

**Câu 27.** Công trình kiến trúc nào sau đây tiêu biểu cho dòng kiến trúc cung đình của văn minh Đông Nam Á cổ - trung đại?

 **A.** Cố đô A-giút-thay-a (Thái Lan). **B.** Cố cung Bắc kinh (Trung Quốc).

 **C.** Phố cổ Hội An (Việt Nam). **D.** Thành Ba-bi-lon (Lưỡng Hà).

**Câu 28.** Một trong những trường phái chính của triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại là

 **A.** Triết học duy vật. **B.** Triết học duy lý.

 **C.** Triết học phản biện. **D.** Triết học ánh sáng.

**Câu 29.** Sự khác biệt cơ bản giữa triết học thời Phục hưng với triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại là gì?

 **A.** Phê phán gay gắt triết học duy tâm.

 **B.** Chia thành hai trường phái duy vật và duy tâm.

 **C.** Triết học duy vật biện chứng đạt đỉnh cao.

 **D.** Tạo cơ sở hình thành triết học châu Âu sau này.

**Câu 30.** So với văn minh cổ đại phương Đông, văn minh cổ đại phương Tây có điểm khác biệt nào?

 **A.** Văn học viết ra đời sớm.

 **B.** Phản ánh trình độ phát triển của cư dân.

 **C.** Văn hóa dân gian phong phú đa dạng.

 **D.** Chữ viết ra đời sớm.

**Câu 31.** Các công trình kiến trúc và điêu khắc của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại mang đặc điểm chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Thể hiện trình độ phát triển cao và ảnh hưởng của tôn giáo tới nghệ thuật.

 **B.** Thể hiện sự tiếp biến văn hóa và ảnh hưởng của tôn giáo tới kiến trúc.

 **C.** Phản ánh Hin-đu giáo là tư tưởng chính thống, được nhân dân tôn sùng.

 **D.** Thể hiện quyền lực của nhà vua và tinh thần triết lý Hin-đu giáo.

**Câu 32.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về bốn phát minh kĩ thuật quan trọng của văn minh Trung Hoa?

 **A.** Là nhân tố trực tiếp thúc đẩy quá trình tan rã của quan hệ sản xuất phong kiến.

 **B.** Có vai trò quan trọng trong lĩnh vực văn học và phát triển văn hóa.

 **C.** Là phát minh quan trọng ảnh hưởng lớn đến kĩ thuật quân sự.

 **D.** Tác động lớn tới lĩnh vực hàng hải, mở ra khả năng tìm kiếm thị trường mới.

**Câu 33.** Văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại chịu ảnh hưởng chủ yếu từ các nền văn hóa nào?

 **A.** Trung Hoa, Nhật Bản. **B.** Ấn Độ, Ả Rập.

 **C.** Ấn Độ, Trung Hoa. **D.** Hi Lap, La Mã.

**Câu 34.** Các hình thức tín ngưỡng dân gian của cư dân Đông Nam Á được hình thành và phát triển xuất phát từ một trong những lý do nào sau đây?

 **A.** Dựa trên cơ sở văn minh nông nghiệp trồng lúa nước.

 **B.** Có đường bờ biển dài, nối liền với các tuyến thương mại quốc tế.

 **C.** Các tín ngưỡng cổ xưa không bị mai một theo thời gian.

 **D.** Đông Nam Á là nơi hội tụ các tôn giáo lớn nhất trên thế giới.

**Câu 35.** Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc?

 **A.** Chịu ảnh hưởng từ các nền văn minh bên ngoài: Ấn Độ, Trung Hoa.

 **B.** Xuất phát từ nhu cầu đoàn kết phát triển kinh tế, chống ngoại xâm.

 **C.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp.

 **D.** Sự tan rã của công xã nguyên thủy dẫn đến sự phân hóa xã hội.

**Câu 36.** Thành tựu nào có vai trò thúc đẩy quá trình cơ giới hóa sản xuất?

 **A.** Động cơ đốt trong. **B.** Máy hơi nước.

 **C.** Đầu máy xe lửa. **D.** Tàu thủy.

**Câu 37.** “Bước đột phá trong sự phát triển công nghệ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX” là nhận xét về sự xuất hiện của ngành nào?

 **A.** Hàng không. **B.** Ô tô.

 **C.** Máy điện tín. **D.** Công nghiệp hóa học.

**Câu 38.** Một trong những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX là

 **A.** đầu máy xe lửa. **B.** điện thoại. **C.** máy bay. **D.** Internet.

**Câu 39.** Thành tựu nào sau đây của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã dẫn đến tự động hóa trong quá trình sản xuất?

 **A.** Máy tính điện tử. **B.** Internet.

 **C.** Công nghệ thực tế ảo. **D.** Rô- bốt điện tử.

**Câu 40.** Phát minh mang tính cải biến thế giới trong cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ ba là

 **A.** Internet. **B.** rô bốt. **C.** máy tính. **D.** thiết bị điện tử.

**Câu 41.** Các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại và hiện đại đều có đặc điểm chung là

 **A.** đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

 **B.** thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

 **C.** dẫn đến sự ra đời của các nguyên liệu mới, mở rộng thị trường toàn cầu.

 **D.** thúc đẩy sự phát triển của mạng lưới điện xoay chiều và phổ biến máy tính kĩ thuật số.

**Câu 42.** Số hóa và tự động hóa là thành tựu của

 **A.** cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

 **B.** cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai.

 **C.** cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.

 **D.** cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

**Câu 43.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

 **A.** Khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia có xu hướng thu hẹp.

 **B.** Xung đột giữa các yếu tố văn hóa truyền thống và hiện đại.

 **C.** Tác động đến lĩnh vực khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác.

 **D.** Thúc đẩy các cộng đồng, các nền văn hóa xích lại gần nhau.

**Câu 44.** Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX là

 **A.** sử dụng năng lượng nước, hơi nước và cơ giới hóa sản xuất.

 **B.** ứng dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất.

 **C.** sử dụng năng lượng điện và sự ra đời của các dây chuyền sản xuất hàng loạt.

 **D.** quy trình, phương thức sản xuất được tối ưu hóa dựa trên nền tảng công nghệ số.

**Câu 45.** Các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại có tác động như thế nào đến đời sống xã hội?

 **A.** Chuyển nền sản xuất của nhân loại từ cơ khí hoá sang điện khí hoá.

 **B.** Thúc đẩy sự giao lưu, kết nối văn hóa giữa các quốc gia, châu lục.

 **C.** Làm xuất hiện nhiều trung tâm công nghiệp, thành thị đông dân.

 **D.** Thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp và giao thông vận tải.

**Câu 46.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động về văn hóa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba?

 **A.** Đưa tri thức thâm nhập sâu vào nền sản xuất vật chất.

 **B.** Thúc đẩy giao lưu, kết nối văn hóa toàn cầu.

 **C.** Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của con người.

 **D.** Hình thành lối sống, tác phong công nghiệp.

**Câu 47.** Nội dung nào sau đây là điểm khác của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai so với lần thứ nhất ở thời cận đại?

 **A.** Chuyển nền sản xuất từ cơ khí hóa sang điện khí hóa.

 **B.** Chuyển nền sản xuất thủ công sang cơ khí hóa.

 **C.** Nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người dân.

 **D.** Giải phóng sức lao động cơ bắp của con người.

**Câu 48.** Các ứng dụng trên điện thoại như Hey Siri, Chat GPT là sản phẩm của

 **A.** trí tuệ nhân tạo. **B.** mạng internet.

 **C.** điện toán đám mây. **D.** công nghệ na-no.

**Câu 49.** Công nghệ tự động hóa và rô-bốt đặt ra yêu cầu cấp bách nào cho con người hiện nay?

 **A.** Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, thích ứng với sự phát triển của công nghệ.

 **B.** Tạo ra cơ chế giải quyết việc làm cho nguồn lao động bị thất nghiệp trong và ngoài nước.

 **C.** Thay đổi xu hướng tiêu dùng, mua sắm nhằm nâng cao giá trị tinh thần của con người.

 **D.** Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu.

**Câu 50.** Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có đặc điểm cơ bản nào sau đây?

 **A.** Vạn vật kết nối dựa trên nền tảng công nghệ sinh học, kĩ thuật số.

 **B.** Vạn vật kết nối vào sản xuất hàng loạt, dây chuyền trên quy mô lớn.

 **C.** Ứng dụng điện tử và công nghệ thông tin vào cơ giới hóa sản xuất.

 **D.** Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học mở đường cho kĩ thuật.

**Câu 51.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

 **A.** Khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia có xu hướng thu hẹp.

 **B.** Xung đột giữa các yếu tố văn hóa truyền thống và hiện đại.

 **C.** Tác động đến lĩnh vực khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác.

 **D.** Thúc đẩy các cộng đồng, các nền văn hóa xích lại gần nhau.

**Câu 52.** Phát minh nào dưới đây **không phải**là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai?

 **A.** Máy kéo sợi Gien-ni. **B.** Động điện.

 **C.** Ô tô, máy bay. **D.** Máy điện tín.

**Câu 53.** Cho các di sản sau: Quần thể di tích Cố đô Huế; Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên -; Vịnh Hạ Long . Các di sản trên **không** có điểm tương đồng nào sau đây?

 **A.** Có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học.

 **B.** Góp phần quảng bá nét đẹp của đất nước.

 **C.** Thuộc loại hình di sản thiên nhiên.

 **D.** Là di sản nổi tiếng trên đất nước Việt Nam.

**Câu 54.** Đặc điểm nổi bật trong đời sống tôn giáo khu vực Đông Nam Á là gì?

 **A.** Là nơi hội tụ các tôn giáo lớn trên thế giới.

 **B.** Không tiếp nhận các tôn giáo bên ngoài.

 **C.** Các tôn giáo mới du nhập bị chèn ép.

 **D.** Các tôn giáo mới xuất hiện lấn áp các tôn giáo bản địa.

**Câu 55.** Một trong những điểm chung trong đời sống tín ngưỡng cư dân Đông Nam Á là?

 **A.** Chịu ảnh hưởng từ nghề nông trồng lúa nước.

 **B.** Dều tiếp thu phật giáo từ rất sớm.

 **C.** Đều chịu ảnh hưởng từ tôn giáo Trung Hoa

 **D.** Đều chịu ảnh hưởng từ Nho giáo.

**Câu 56.** Trong 4 phát minh quan trọng của Trung Hoa phát minh nào tạo điều kiện để phổ biến tri thức và phát triển văn hóa?

 **A.** Kỹ thuật in và làm giấy. **B.** La bàn và kỹ thuật in.

 **C.** Làm giấy và thuốc súng. **D.** La bàn và kỹ thuật làm giấy.

**Câu 57.** Văn hoá Ấn Độ đã ảnh hưởng đến văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại thông qua

 **A.** thương nhân và nhà truyền đạo. **B.** truyền bá áp đặt.

 **C.** giáo dục, khoa cử. **D.** chiến tranh xâm lược.

**Câu 58.** Giá trị ưu việt và tính nhân văn của văn minh Ấn Độ thể hiện qua việc lan toả bằng con đường nào là chính xác nhất?

 **A.** Hoà bình. **B.** Thương mại. **C.** Quân sự. **D.** Chính trị.

**Câu 59.** Thành tựu nào dưới đây là một biểu tượng trong dòng kiến trúc dân gian ở Đông Nam Á thời cổ - trung đại?

 **A.** Nhà sàn. **B.** Đền tháp. **C.** Nhà rông. **D.** Lăng miếu.

**Câu 60.** Các tôn giáo lớn trên thế giới được truyền bá và phát triển ở Đông Nam Á bởi nguyên nhân chủ yếu nào?

 **A.** Khu vực Đông Nam Á được coi là trung tâm giao thương và giao lưu văn hoá thế giới.

 **B.** Các tôn giáo phù hợp với trình độ tư duy của cư dân bản địa Đông Nam Á.

 **C.** Hoạt động truyền giáo phát triển mạnh mẽ thông qua con đường giao thương, buôn bán.

 **D.** Đông Nam Á nằm giữa hai nền văn minh lớn của thế giới là Ấn Độ và Trung Hoa.

**Câu 61.** Hồi giáo được truyền bá vào Đông Nam Á chủ yếu bằng con đường nào?

 **A.** Hoạt động thương mại của thương nhân Ấn Độ.

 **B.** Hoạt động xâm lược của đế quốc Ả-rập.

 **C.** Hoạt động truyền đạo của người Hồi giáo.

 **D.** Hoạt động truyền bá của các nhà sư Ấn Độ.

**Câu 62.** Nét độc đáo về tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại là gì?

 **A.** Sự đa dạng và mức độ ảnh hưởng có sự khác biệt giữa các quốc gia.

 **B.** Sự đa dạng và thường xuyên có xung đột giữa các tôn giáo với nhau.

 **C.** Phản ánh đời sống vật chất, tinh thần phong phú của cư dân nông nghiệp.

 **D.** Tiếp thu Phật giáo, Hin-đu giáo và coi đó là hệ tư tưởng chính thống.

**Câu 63.** Một trong những cơ sở hình thành tín ngưỡng của cư dân Đông Nam Á cổ trung đại là

 **A.** sự phát triển nông nghiệp lúa nước.

 **B.** sự phát triển ngành chăn nuôi

 **C.** sự phát triển của hoạt động thủ công nghiệp.

 **D.** sự phát triển của hoạt động thương nghiệp

**Câu 64.** Văn minh Văn Lang Âu Lạc ra đời gắn liền với sự phát triển của nền văn hóa nào?

 **A.** Văn hóa Đông Sơn. **B.** Văn hóa Gò Mun. **C.** Văn hóa Đồng Đậu. **D.** Văn hóa Sơn Vi

**Câu 65.** Cơ sở quan trọng nhất để hình thành văn minh Đại Việt là gì?

 **A.** Độc lập tự chủ. **B.** Kế thừa văn minh Văn Lang.

 **C.** Tiếp thu văn hóa bên ngoài. **D.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi.

**Câu 66.** So với chính sách giáo dục thời Trần Lê chính sách giáo dục thời Tây Sơn có điểm khác biệt là?

 **A.** Chữ Nôm chính thức được đưa vào thi cử.

 **B.** Thành lập quốc học viện cho con em quan lại.

 **C.** Khuyến khích nhân dân học tập.

 **D.** Sử dụng kết quả để tuyển chọn quan lại.

**Câu 67.** Chính sách nào của Nhà nước Đại Việt vừa đảm bảo được sức sản xuất nông nghiệp vừa đảm bảo lực lượng bảo vệ đất nước?

 **A.** Ngụ binh ư nông. **B.** Trọng nông ức thương.

 **C.** Khai hoang phục hóa. **D.** Coi trọng Nho giáo.

**Câu 68.** Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ yếuhình thành nền văn minh Đại Việt?

 **A.** Trải qua quá trình đấu tranh với nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.

 **B.** Có cội nguồn từ các nền văn minh cổ xưa trên đất nước Việt Nam.

 **C.** Tiếp thu hoàn toàn các thành tựu của các nền văn minh bên ngoài.

 **D.** Nho giáo và Phật giáo có vị trí quan trọng và rất phổ biến trong nhân dân.

**Câu 69.** Đặc điểm của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX là

 **A.** Văn học chữ Nôm phát triển phong phú và hoàn thiện.

 **B.** Văn học chữ Hán phát triển hơn văn học chữ Nôm.

 **C.** Văn học chữ Hán và chữ Nôm suy tàn.

 **D.** Phát triển văn học viết bằng chữ Quốc Ngữ.

**Câu 70.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt về tổ chức bộ máy nhà nước Phù Nam với các quốc gia cổ đại khác ở Việt Nam?

 **A.** Là tập hợp của nhiểu tiểu quốc nhỏ.

 **B.** Thể chế chính trị quân chủ chuyên chế.

 **C.** Đứng đầu nhà nước là vua.

 **D.** Vua có quyền lực tối cao.

**Câu 71.** Nhận xét nào sau đây là đúng khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

 **A.** Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, phong phú, mang đậm tính dân tộc.

 **B.** Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, lâu đời và có tính dân chủ.

 **C.** Là sự kết hợp hoàn toàn giữa văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ.

 **D.** Thiết chế chính trị của các triều đại phong kiến Đại Việt được đều mang tính dân chủ.

**Câu 72.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa sự ra đời các làng nghề thủ công truyền thống ở Đại Việt?

 **A.** Nâng cao năng lực cạnh tranh với các xưởng thủ công của nhà nước.

 **B.** Sản xuất được chuyên môn hóa, sản phẩm có chất lượng cao hơn.

 **C.** Sản phẩm mang nét độc đáo, gây dựng thành thương hiệu nổi tiếng.

 **D.** Góp phần quan trọng thúc đẩy thương nghiệp phát triển.

**Câu 73.** Nội dung nào dưới đây **không**phản ánh đúng đời sống vật chất của cư dân Việt cổ?

 **A.** Nam mặc áo chui đầu, nữ mặc áo, váy.

 **B.** Nguồn lương thực chủ yếu là gạo nếp, gạo tẻ.

 **C.** Nhà ở phổ biến là kiểu nhà sàn từ gỗ, tre, nứa.

 **D.** Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là thuyền, bè.

**Câu 74.** Nhà nước Chăm-pa tổ chức đơn vị hành chính ở địa phương theo các cấp

 **A.** châu, huyện, làng. **B.** phủ, huyện, châu.

 **C.** châu, huyện, xã. **D.** tổng, trấn, dinh.

**Câu 75.** Nhận xét nào sau đây là đúng về cơ sở ra đời nhà nước Văn Lang - Âu Lạc?

 **A.** Sự chuyển biến mạnh mẽ về xã hội với sự ra đời của các công xã nông thôn.

 **B.** Nhu cầu trị thủy, chống giặc ngoại xâm, mở rộng giao lưu với bên ngoài.

 **C.** Tín ngưỡng phổ biến là thờ cúng những người có công với làng, nước.

 **D.** Nguồn lương thực chính là gạo nếp, gạo tẻ; ngoại thương phát triển.

**Câu 76.** Nội dung nào dưới đây là **không** đúng về văn minh Đông Nam Á cổ - trung đại?

 **A.** Từ cuối thế kỉ XVIII, sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây đã dẫn tới sự sụp đổ chế độ phóng kiến ở Đông Nam Á.

 **B.** Từ thế kỉ XVI đến XIX, văn minh Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng, chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây, đạt được thành tựu trên nhiều lĩnh vực.

 **C.** Các tôn giáo tồn tại và phát triển ở khu vực Đông Nam Á đều có nguồn gốc từ bên ngoài thông qua các cuộc chiến tranh xâm lược, giao lưu, buôn bán và truyền đạo.

 **D.** Rất nhiều tín ngưỡng bản địa đặc sắc của cư dân Đông Nam Á từ thời kì cổ - trung đại vẫn được bảo tồn và phát triển đến ngày nay.

**Câu 77.** Minh chứng cho sự phát triển đỉnh cao của nghệ thuật tạo hình bản địa ở Đông Nam Á thời kì cổ đại là

 **A.** trống đồng Đông Sơn (Việt Nam). **B.** chùa Phật Ngọc (Thái Lan).

 **C.** khu đền Ăng-co Thom (Cam-pu-chia). **D.** tháp Thạt Luổng (Lào).

**Câu 78.** Nhận xét nào sau đây là đúng về cơ sở ra đời nhà nước Văn Lang - Âu Lạc?

 **A.** Sự chuyển biến mạnh mẽ về xã hội với sự ra đời của các công xã nông thôn.

 **B.** Nhu cầu trị thủy, chống giặc ngoại xâm, mở rộng giao lưu với bên ngoài.

 **C.** Tín ngưỡng phổ biến là thờ cúng những người có công với làng, nước.

 **D.** Nguồn lương thực chính là gạo nếp, gạo tẻ; ngoại thương phát triển.

**Câu 79.** Nhận xét nào sau đây là đúng về đặc điểm của văn minh Đại Việt?

 **A.** Nhiều yếu tố đặc sắc gắn liền với hoạt động của làng, xã.

 **B.** Các yếu tố du nhập từ bên ngoài phát triển mạnh hơn văn hóa bản địa.

 **C.** Các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật phát triển rực rỡ.

 **D.** Yếu tố xuyên suốt là yêu nước, không bị chi phối bởi chế độ phong kiến.

**Câu 80.** Đánh giá nào sau đây là chính xác về câu nói “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách để giữ nước” của Trần Hưng Đạo?

**------------------HẾT----------------**

 **A.** Tinh thần yêu nước, thương dân được biểu hiện qua các chính sách của nhà nước.

 **B.** Tư tưởng trọng nông ức thương, lấy nông nghiệp là nền tảng phát triển kinh tế đất nước.

 **C.** Nhà nước tích cực thu thuế để phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên.

 **D.** Nhà nước khuyến khích nhân dân khai khẩn đất hoang để lập điền trang, thái ấp.

***------ HẾT ------***